



Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập

Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam sang hình thức công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0101447725 cấp lần đầu ngày 14 tháng 1 năm 2004 và thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 2 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Vũ Hồng Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lăng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hồng Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Quang	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/2/2016)

Trụ sở đăng ký

Tầng 20, Tòa nhà Mípec Tower
Số 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 25-08-2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 25-08-2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 16 tháng 3 năm 2016 và báo cáo soát xét ngày 20 tháng 8 năm 2015.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-174-HN



Dam Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **25-08-2016**

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.108.142.350.436	872.489.157.719
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	41.850.193.092	55.824.604.848
Tiền	111		32.831.026.425	47.305.438.181
Các khoản tương đương tiền	112		9.019.166.667	8.519.166.667
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		681.000.000.000	411.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(1.610.000.000)	(1.610.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	680.000.000.000	410.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		264.267.990.434	263.877.629.183
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	220.697.925.771	226.070.962.025
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.125.986.732	16.402.744.642
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	53.229.483.052	36.140.382.476
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(13.911.149.061)	(14.736.459.960)
Tài sản thiếu chờ xử lý	137		125.743.940	-
Hàng tồn kho	140	13	101.299.460.134	126.887.073.553
Hàng tồn kho	141		106.070.342.568	131.856.649.133
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.770.882.434)	(4.969.575.580)
Tài sản ngắn hạn khác	150		19.724.706.776	14.899.850.135
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.667.877.203	860.528.849
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.744.642.170	13.736.480.211
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20(b)	312.187.403	302.841.075

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		816.947.886.486	1.162.072.271.606
Các khoản phải thu dài hạn	210		908.894.618	947.589.259
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	10	743.096.618	781.791.259
Phải thu dài hạn khác	216		165.798.000	165.798.000
Tài sản cố định	220		446.442.486.655	401.627.743.056
Tài sản cố định hữu hình	221	14	402.925.682.796	368.809.197.857
<i>Nguyên giá</i>	222		756.309.527.149	703.622.021.148
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(353.383.844.353)	(334.812.823.291)
Tài sản cố định vô hình	227	15	43.516.803.859	32.818.545.199
<i>Nguyên giá</i>	228		54.462.613.592	43.248.828.051
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.945.809.733)	(10.430.282.852)
Bất động sản đầu tư	230	16	7.647.774.539	7.739.071.205
<i>Nguyên giá</i>	231		9.043.165.265	9.043.165.265
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(1.395.390.726)	(1.304.094.060)
Tài sản dở dang dài hạn	240		896.613.671	14.261.624.864
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	896.613.671	14.261.624.864
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	397.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(b)	-	397.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		361.052.117.003	340.496.243.222
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	360.177.103.669	339.539.545.092
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		875.013.334	956.698.130
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.925.090.236.922	2.034.561.429.325

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.228.967.893.649	1.385.592.448.936
Nợ ngắn hạn	310		1.070.594.582.315	1.229.273.553.847
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	132.768.128.192	159.749.395.291
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.274.072.895	5.335.648.534
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20(a)	10.012.640.768	7.401.477.135
Phải trả người lao động	314		39.905.880.162	32.639.466.846
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	15.684.488.267	9.020.394.478
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	672.081.138
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	17.856.538.678	74.492.984.091
Vay ngắn hạn	320	23	834.422.666.192	924.162.060.381
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		11.301.036.309	14.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	4.369.130.852	1.800.045.953
Nợ dài hạn	330		158.373.311.334	156.318.895.089
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	158.373.311.334	156.318.895.089
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		696.122.343.273	648.968.980.389
Vốn chủ sở hữu	410	25	696.122.343.273	648.968.980.389
Vốn cổ phần	411	26	603.426.380.000	603.426.380.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		603.426.380.000	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ	415	26	(49.700.000)	(49.700.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	20.254.199.280	2.928.463.221
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.480.133.992	27.677.407.535
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		50.480.133.992	27.677.407.535
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		22.011.330.001	14.986.429.633
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.925.090.236.922	2.034.561.429.325

25-08-2016

Người lập:


Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chínhVũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2016****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	1.160.076.550.764	1.235.655.008.749
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	10.690.152.453	9.121.660.388
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	30	1.149.386.398.311	1.226.533.348.361
Giá vốn hàng bán	11	31	864.293.866.575	972.548.859.155
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		285.092.531.736	253.984.489.206
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	26.776.470.101	23.285.126.317
Chi phí tài chính	22	33	22.780.492.830	16.283.215.031
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>22.780.492.830</i>	<i>18.298.646.203</i>
Chi phí bán hàng	25	34	152.007.379.773	137.340.507.332
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	63.341.545.250	55.349.419.331
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		73.739.583.984	68.296.473.829
Thu nhập khác	31		2.085.812.600	1.007.275.237
Chi phí khác	32		2.192.307.276	1.478.541.375
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(106.494.676)	(471.266.138)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		73.633.089.308	67.825.207.691
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	14.764.918.439	15.188.524.991
Lợi ích/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52	37	81.684.796	(253.974.199)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		58.786.486.073	52.890.656.899
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		50.653.156.236	48.951.279.535
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		8.133.329.837	3.939.377.364
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	839	973

25 -08- 2016

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chính



Vũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	73.633.089.308	67.825.207.691
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	24.980.228.038	23.181.552.008
Các khoản dự phòng	03	(3.722.967.736)	(1.707.729.819)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(94.298.290)	3.788.164.498
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(25.885.067.525)	(22.079.079.042)
Chi phí lãi vay	06	22.780.492.830	18.298.646.203
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	91.691.476.625	89.306.761.539
Biến động các khoản phải thu	09	15.468.033.225	20.106.323.675
Biến động hàng tồn kho	10	25.786.306.565	(30.269.512.533)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(7.088.402.086)	76.806.981.469
Biến động chi phí trả trước	12	(23.444.906.931)	(8.978.174.059)
		102.412.507.398	146.972.380.091
Tiền lãi vay đã trả	14	(22.987.227.792)	(18.607.978.716)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.793.233.840)	(12.832.690.966)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	12.131.399.418
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.651.883.178)	(7.930.855.963)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	56.980.162.588	119.732.253.864

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(57.142.756.078)	(29.764.500.886)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	884.184.452	191.175.110
Tiền gửi có kỳ hạn	23	(500.000.000.000)	(430.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	627.000.000.000	509.068.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	21.487.557.661
Tiền thu lãi tiền gửi	27	8.793.078.150	23.233.156.223
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	79.534.506.524	94.215.388.108
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	926.493.825.283	946.799.714.917
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.016.233.219.472)	(1.239.172.323.681)
Tiền trả cổ tức	36	(60.749.576.752)	(60.338.502.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(150.488.970.941)	(352.711.111.564)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(13.974.301.829)	(138.763.469.592)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	55.824.604.848	170.367.170.307
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(109.927)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	41.850.193.092	31.603.700.715

25 -08- 2016

Người lập:

Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chínhVũ Hồng Khánh
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 3 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 1 tháng 1 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 2 năm 2016 với số vốn điều lệ là 603.426.380.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyên giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vỏ bình gas); và kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty có 6 công ty con (1/1/2016: 6 công ty con) như sau:

	Hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Kinh doanh gas hóa lỏng	TP. Hồ Chí Minh	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Đà Nẵng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hải Phòng	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Kinh doanh gas hóa lỏng	Hà Nội	100%
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Kinh doanh gas hóa lỏng	Cần Thơ	100%
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas	TP. Hồ Chí Minh	51%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty và các công ty con có 937 nhân viên (1/1/2016: 935 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(a) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30 năm
▪ Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	8 - 10 năm
▪ Dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
▪ Tài sản khác	3 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất phản ánh quyền sử dụng đất cho các lô đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm. Không tính khấu hao cho các lô đất có quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 10 năm.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Quyền sử dụng đất 48 năm
- Giá trị xây lắp 48 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Vô bình gas

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 2 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai” trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vô bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vô bình gas được nhận. Theo đó, vô bình gas được ghi nhận theo giá gốc ban đầu và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 10 năm.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 488 tháng.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vỏ bình gas

Doanh thu từ ký cược, ký quỹ vỏ bình gas được phân bổ từ số tiền ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng trên cơ sở số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị bình xuất dùng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và trong kỳ kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gas hóa lỏng và một khu vực địa lý là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng công ty (Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	4.057.207.773	3.420.564.934
Tiền gửi ngân hàng	28.773.818.652	43.884.873.247
Các khoản tương đương tiền	9.019.166.667	8.519.166.667
	<hr/>	<hr/>
	41.850.193.092	55.824.604.848

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2016				1/1/2016			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Cổ phiếu								
Tổng Công ty Dệt may Hà Nội	100.000	2.610.000.000	(*)	(1.610.000.000)	100.000	2.610.000.000	(*)	(1.610.000.000)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	680.000.000.000	680.000.000.000	410.000.000.000	410.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	397.000.000.000	397.000.000.000

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	220.697.925.771	226.070.962.025
Dài hạn	743.096.618	781.791.259
	221.441.022.389	226.852.753.284

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Xăng dầu Lâm Đồng	3.434.385.778	3.442.285.543
Công ty Xăng dầu Phú Thọ	2.990.429.109	2.725.736.032
Công ty Xăng dầu Hà Giang	2.375.928.099	1.257.618.882
Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	2.222.049.330	2.296.030.711
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	37.941.553.311	33.118.340.890
	48.964.345.627	42.840.012.058

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	40.967.583.333	23.955.686.110
Phải thu người lao động	4.531.595.775	2.549.926.850
Phải thu khác	7.730.303.944	9.634.769.516
	53.229.483.052	36.140.382.476

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND
Nợ quá hạn				
Công ty TNHH ITG - Phong Phú	Trên 3 năm	2.467.346.164	Trên 3 năm	2.467.346.164
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng KJ	Trên 3 năm	1.741.279.997	Trên 3 năm	1.741.279.997
Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác Vinashin	Trên 3 năm	1.510.748.093	Trên 3 năm	1.510.748.093
Khác		9.539.253.427		5.333.873.457
		<u>15.258.627.681</u>		<u>16.267.065.616</u>
		(13.911.149.061)		(14.736.459.960)

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi –
ngắn hạn

(13.911.149.061)

(14.736.459.960)

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu và nợ khó đòi này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị có thể thu hồi sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu và nợ khó đòi này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	78.146.556	-	2.896.086.583	-
Nguyên vật liệu	39.229.483.084	(2.111.112.667)	59.247.515.651	(2.111.112.667)
Công cụ và dụng cụ	828.048.000	-	1.154.943.741	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.302.542.268	-	4.832.278.320	-
Thành phẩm	1.960.622.310	-	1.889.567.104	-
Hàng hóa	59.671.500.350	(2.659.769.767)	61.836.257.734	(2.858.462.913)
	106.070.342.568	(4.770.882.434)	131.856.649.133	(4.969.575.580)

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có 31.719 triệu VND nguyên vật liệu và hàng hóa (1/1/2016: 19.112 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	426.159.650.351	192.029.873.601	72.145.022.368	10.486.131.812	2.801.343.016	703.622.021.148
Tăng trong kỳ	3.208.627.094	1.329.969.524	20.634.834.819	344.499.330	-	25.517.930.767
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.030.473.141	27.648.024.822	-	-	97.553.000	33.776.050.963
Thanh lý	(3.154.148.925)	(1.225.303.323)	(2.227.023.481)	-	-	(6.606.475.729)
Phân loại lại	(2.393.244.664)	2.393.244.664	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	429.851.356.997	222.175.809.288	90.552.833.706	10.830.631.142	2.898.896.016	756.309.527.149
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	184.669.256.480	92.300.299.857	48.470.999.998	7.320.064.214	2.052.202.742	334.812.823.291
Khấu hao trong kỳ	9.284.510.259	10.693.245.998	3.305.419.412	1.003.963.108	86.265.714	24.373.404.491
Thanh lý	(2.415.840.837)	(1.187.750.302)	(2.198.792.290)	-	-	(5.802.383.429)
Phân loại lại	(28.803.480)	28.803.480	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	191.509.122.422	101.834.599.033	49.577.627.120	8.324.027.322	2.138.468.456	353.383.844.353
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	241.490.393.871	99.729.573.744	23.674.022.370	3.166.067.598	749.140.274	368.809.197.857
Số dư cuối kỳ	238.342.234.575	120.341.210.255	40.975.206.586	2.506.603.820	760.427.560	402.925.682.796

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 82.640 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 76.350 triệu VND).

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	32.697.252.415	10.551.575.636	43.248.828.051
Tăng trong kỳ	11.213.785.541	-	11.213.785.541
Số dư cuối kỳ	43.911.037.956	10.551.575.636	54.462.613.592
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.943.718.026	8.486.564.826	10.430.282.852
Khấu hao trong kỳ	57.511.494	458.015.387	515.526.881
Số dư cuối kỳ	2.001.229.520	8.944.580.213	10.945.809.733
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	30.753.534.389	2.065.010.810	32.818.545.199
Số dư cuối kỳ	41.909.808.436	1.606.995.423	43.516.803.859

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị xây lắp VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	950.790.001	353.304.059	1.304.094.060
Khấu hao trong kỳ	69.570.000	21.726.666	91.296.666
Số dư cuối kỳ	1.020.360.001	375.030.725	1.395.390.726
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	6.006.615.469	1.732.455.736	7.739.071.205
Số dư cuối kỳ	5.937.045.469	1.710.729.070	7.647.774.539

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao là 50 năm và giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại địa chỉ 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh có thời gian khấu hao trong 48 năm tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	14.261.624.864	7.528.990.855
Tăng trong kỳ	20.411.039.770	7.888.590.958
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(33.776.050.963)	(9.289.100.949)
Số dư cuối kỳ	896.613.671	6.128.480.864

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Vỏ bình gas VND	Chi phí đất trả trước VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	294.854.387.421	24.246.818.684	20.438.338.987	339.539.545.092
Tăng trong kỳ	43.706.765.783	4.801.248.047	2.655.828.086	51.163.841.916
Phân bổ trong kỳ	(24.354.215.474)	(1.591.495.425)	(4.580.572.440)	(30.526.283.339)
Số dư cuối kỳ	314.206.937.730	27.456.571.306	18.513.594.633	360.177.103.669

19. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	63.719.039.420	53.150.450.775
Công ty TNHH EI Corporation	38.001.341.281	64.072.648.489
Các nhà cung cấp khác	31.047.747.491	42.526.296.027
	132.768.128.192	159.749.395.291

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Công ty Cổ phần Bảo hiểm PJICO Hải Phòng	43.851.317	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Petrolimex	-	261.200.499
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	-	38.875.699
Công ty Cổ phần Xây lắp 1 Petrolimex	-	2.205.599.116
	43.851.317	2.505.675.314

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn phải trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số bù trừ/ đã nộp trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	229.572.610	210.151.901.383	(208.086.472.923)	2.295.001.070
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.732.718.991	14.764.918.439	(13.813.060.822)	7.684.576.608
Thuế thu nhập cá nhân	439.185.534	3.271.896.256	(3.711.081.790)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	15.058.633.452	(15.058.633.452)	-
Các loại thuế khác	-	3.351.051.380	(3.317.988.290)	33.063.090
	7.401.477.135	246.598.400.910	(243.987.237.277)	10.012.640.768

(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số đã thu/bù trừ trong kỳ VND	Số đã nộp thừa trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	113.789.994	(19.826.982)	-	93.963.012
Thuế thu nhập cá nhân	189.051.081	-	29.173.310	218.224.391
	302.841.075	(19.826.982)	29.173.310	312.187.403

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	6.161.259.974	-
Chi phí thuê dùng chung kho bãi	3.567.434.742	-
Chi phí quảng cáo, hỗ trợ bán hàng	837.000.000	-
Chi phí đầu tư trạm Gia Lách – Chi nhánh Hà Tĩnh	-	5.087.472.974
Chi phí khác	5.118.793.551	3.932.921.504
	15.684.488.267	9.020.394.478

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Cổ tức phải trả	287.164.820	66.259.586.460
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	1.265.900.697	1.362.377.030
Tài sản thừa chờ giải quyết	2.109.150.861	-
Phải trả khác	14.194.322.300	6.871.020.601
	17.856.538.678	74.492.984.091

(b) Phải trả dài hạn khác

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vỏ bình gas được xác định dựa trên số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị bình xuất dùng.

23. Vay ngắn hạn

	1/1/2016	Biến động trong kỳ		30/6/2016
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	924.162.060.381	926.493.825.283	(1.016.233.219.472)	834.422.666.192

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	VND	20.803.028.710	82.014.009.427
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	VND	195.482.853.870	140.177.681.147
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	VND	306.230.774.190	200.419.590.420
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	VND	65.979.739.913	148.181.164.015
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (v)	VND	245.926.269.509	250.020.251.085
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	-	103.349.364.287
		834.422.666.192	924.162.060.381

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng vay số 01/2015/1230718/HDDTD ký ngày 24 tháng 4 năm 2015. Mục đích sử dụng khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tiền lãi sẽ được thanh toán vào cuối kỳ trên cơ sở định kỳ hàng tháng bằng cách khấu trừ vào tài khoản tiền gửi thanh toán của bên vay mở tại ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng số 112/2015-HĐTDHM/NHCT126-PGC ký ngày 15 tháng 9 năm 2015. Khoản vay này có thể giải ngân bằng Đồng Việt Nam (“VND”) hoặc Đô la Mỹ (“USD”). Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ. Lãi thanh toán vào ngày 25 hàng tháng. Gốc trả được quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng số 160004/HĐCTD.SGD.NHNT ký ngày 4 tháng 1 năm 2016. Khoản vay này có thể giải ngân bằng VND hoặc USD. Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi trả vào ngày 25 hàng tháng. Thời hạn cấp tín dụng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho tới hết ngày 29 tháng 11 năm 2016. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng số 9877.15.057.747309.TD ký ngày 30 tháng 10 năm 2015. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh khí hóa lỏng và các mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay hoặc mở thư tín dụng L/C có liên quan. Lãi cho vay và thời gian trả gốc áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ, ngày trả lãi là ngày 27 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Hội sở chính theo Hợp đồng số 108.1465/2016/HĐTDHM-DN/PGBankHN ký ngày 23 tháng 3 năm 2016. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.800.045.953	2.358.067.977
Trích lập trong kỳ	11.220.968.077	11.043.574.966
Sử dụng trong kỳ	(8.651.883.178)	(8.244.599.035)
Số dư cuối kỳ	4.369.130.852	5.157.043.908

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 1/1/2015	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	82.183.256.930	24.167.807.523	12.236.743.236	628.715.687.689
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	48.951.279.535	3.939.377.364	52.890.656.899
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	13.994.006.291	(13.994.006.291)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.724.831.894)	(318.743.072)	(11.043.574.966)
Số dư tại ngày 30/6/2015	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	96.177.263.221	48.400.248.873	15.857.377.528	670.562.769.622
Số dư ngày 1/1/2016	603.426.380.000	-	(49.700.000)	2.928.463.221	27.677.407.535	14.986.429.633	648.968.980.389
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	50.653.156.236	8.133.329.837	58.786.486.073
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	17.325.736.059	(17.325.736.059)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(10.524.693.720)	(696.274.357)	(11.220.968.077)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(412.155.112)	(412.155.112)
Số dư tại ngày 30/6/2016	603.426.380.000	-	(49.700.000)	20.254.199.280	50.480.133.992	22.011.330.001	696.122.343.273

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	60.342.638	603.426.380.000	60.342.638	603.426.380.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	60.342.638	603.426.380.000	60.342.638	603.426.380.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(3.353)	(49.700.000)	(3.353)	(49.700.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	60.339.285	603.376.680.000	60.339.285	603.376.680.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

27. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

28. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức 60.341 triệu VND (2015: 60.341 triệu VND). Khoản cổ tức này đã được tạm ứng cho các cổ đông của Tổng Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 45/NQ-CHP ngày 26 tháng 11 năm 2015.

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Gas giữ hộ bên thứ ba	2.684.790.000	496.400.000

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	953,99	21.217.840	953,99	21.440.846
Euro (“EUR”)	195,64	4.836.097	201,77	4.887.190
		26.053.937		26.328.036

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.139.251.241.960	1.212.386.400.170
▪ Cung cấp dịch vụ	7.108.609.471	9.726.644.943
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	1.075.641.138	1.670.530.909
▪ Ký cược, ký quỹ vỏ bình gas	12.641.058.195	11.871.432.727
	1.160.076.550.764	1.235.655.008.749
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	8.388.252.860	7.454.938.140
▪ Hàng bán bị trả lại	2.301.899.593	1.666.722.248
	10.690.152.453	9.121.660.388
Doanh thu thuần	1.149.386.398.311	1.226.533.348.361

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Bán hàng	856.976.163.320	961.861.452.001
▪ Cung cấp dịch vụ	5.699.516.397	7.300.652.166
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	1.816.880.004	1.673.811.613
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(198.693.146)	1.712.943.375
	864.293.866.575	972.548.859.155

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	25.804.975.373	22.074.908.843
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	877.196.438	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	94.298.290	-
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	1.110.217.474
Cổ tức được chia	-	100.000.000
	26.776.470.101	23.285.126.317

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	22.780.492.830	18.298.646.203
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.788.164.498
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.296.126.375
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	(7.121.305.687)
Chi phí tài chính khác	-	21.583.642
	22.780.492.830	16.283.215.031

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	41.282.788.456	32.133.190.766
Chi phí khấu hao	1.984.349.036	1.327.170.979
Chi phí phân bổ vỏ bình gas	24.354.215.474	25.388.784.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.901.067.391	43.430.526.246
Chi phí khác	41.484.959.416	35.060.835.269
	152.007.379.773	137.340.507.332

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	35.697.980.217	24.013.090.657
Chi phí khấu hao	3.517.848.913	4.495.419.028
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(634.359.788)	802.459.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.424.320.759	14.525.566.788
Chi phí khác	14.335.755.149	11.512.883.295
	63.341.545.250	55.349.419.331

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	89.143.395.450	36.017.911.876
Chi phí nhân viên	102.498.340.812	76.955.105.600
Chi phí khấu hao	24.980.228.038	23.181.552.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.058.402.460	97.611.479.347
Chi phí khác	78.224.540.661	39.455.097.592

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	14.762.718.439	15.085.442.837
Thuế bổ sung những năm trước	2.200.000	103.082.154
	14.764.918.439	15.188.524.991
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	81.684.796	(253.974.199)
	14.846.603.235	14.934.550.792

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	73.633.089.308	67.825.207.691
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	14.726.617.862	14.921.545.692
Chi phí không được khấu trừ thuế	117.785.373	265.966.635
Biến động chênh lệch tạm thời được khấu trừ chưa ghi nhận	-	(356.043.689)
Thuế bổ sung những năm trước	2.200.000	103.082.154
	14.846.603.235	14.934.550.792

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 22%) trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 50.653.156.236 VND (30/6/2015: 48.951.279.535) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 60.339.285 cổ phiếu (30/6/2015: 50.284.150 cổ phiếu).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2016. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Các bên liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
<i>Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế</i>		
Bán hàng hóa	22.332.930.700	19.522.703.200
<i>Công ty Xăng dầu Phú Thọ</i>		
Bán hàng hóa	16.254.848.242	13.766.187.986
<i>Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam</i>		
Bán hàng hóa	14.778.597.950	14.836.810.950
<i>Công ty Xăng dầu Hà Giang</i>		
Bán hàng hóa	12.940.044.528	12.359.786.220
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Bình</i>		
Bán hàng hóa	12.582.981.000	12.516.382.200
<i>Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn</i>		
Bán hàng hóa	11.573.375.431	10.555.023.455
<i>Công ty Xăng dầu Nghệ An</i>		
Bán hàng hóa	10.696.032.251	11.825.566.996
<i>Công ty Xăng dầu Quảng Trị</i>		
Bán hàng hóa	10.073.300.800	10.683.243.200

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2016 30/6/2015
VND VND

Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu
Việt Nam
Bán hàng hóa

181.969.530.905 166.993.828.767

25 -08- 2016

Người lập:



Phan Quang Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Đỗ Thị Vân Chi
Trưởng phòng Kế toán Tài chính



Wu Hong Khanh
Tổng Giám đốc

